

# Finley Elementary School

## Sở Giáo Dục California

### Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học

### Báo Cáo Dựa Trên Dữ Liệu từ Năm Học 2015–16

Theo luật tiểu bang, trễ nhất vào ngày 1 tháng Hai hàng năm mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công Thức Tài Trợ Kiểm Soát Địa Phương (Local Control Funding Formula - LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies - LEA) phải chuẩn bị một Kế Hoạch Kiểm Soát và Trách Nhiệm Giải Trình tại Địa Phương (Local Control and Accountability Plan - LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo Dục California (California Department of Education - CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh.

#### DataQuest

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> chứa đựng thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với khu học chánh và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

## Giới Thiệu Về Trường Đây

#### Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)	
Tên Trường	Finley Elementary School
Đường Phố	13521 Edwards Street
Thành Phố, Tiểu Bang, Mã Bưu điện	Westminster, CA 92683
Số Điện Thoại	(714) 895-7764
Hiệu Trưởng	Raul Olivas
Địa Chỉ Email	rolivas@wsdk8.us
Trang Mạng	<a href="http://finley.wsdk8.us/">http://finley.wsdk8.us/</a>

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)	
Mã Số Quận-Khu Học Chánh-Trường học (County-District-School - CDS)	30667466030753

Thông Tin Liên Lạc của Khu Học Chánh (Năm Học 2016–17)	
Tên Khu Học Chánh	Westminster School District
Số Điện Thoại	(714) 894-7311
Giám Đốc Khu Học Chánh	Dr. Marian Kim-Phelps
Địa Chỉ Email	mphelps@wSDK8.us
Trang Mạng	<a href="http://www.wSDK8.us/">http://www.wSDK8.us/</a>

**Mô Tả Trường học và Bản Tuyên Bố Sứ Mệnh (Năm Học 2016–17)**

Finley School's Mission Statement

"At Finley we practice respect, responsibility, and safety while providing all students with the necessary tools for success."

Finley School Vision Statement

"Empowering lifelong learners within a global society to reach their dreams and aspirations."

Principal's Message

Welcome to the Finley Annual School Accountability Report Card and thank you for taking the time to explore it! Finley Elementary School has an ongoing tradition of academic excellence that includes a dedicated and knowledgeable staff with a passion for pursuing the success of our diverse student body. Our goal is High Achievement for All Finley Students. We believe that all students can learn in a safe and supportive environment through our school wide focus on Positive Behavior Intervention and Supports (PBIS) and 21st Century Learning. With the school wide integration of technology using one to one chromebooks in grades 2-5, document cameras, smartboards, and a computer lab, students from preschool-grade 5 utilize ST MIND Math and Imagine Learning in grades K-1. Our students become competent readers, writers, and mathematicians who have the academic and personal skills to become ethical and responsible citizens.

At Finley, students, staff, and parents work in partnership as members of a professional learning community to address the needs of the whole child. By moving from incidental to intentional, staff members work with students and parents to build assets in our school through PBIS and the Guided Language Acquisition Design (GLAD) model. Students participate in a variety of activities such as peer tutoring, cross age tutoring, and reading buddies (upper grade and primary grade students), to promote a sense of community among the student body. All students participate in the District BOLD Character Development curriculum which celebrates a specific character trait for each month. Many students participate in the after school ASES PRIDE program funded through prop 49 for grades K-5. The ASES PRIDE program is an integrated after school program that incorporates sports, enrichment, and homework assistance.

In addition, the love for learning is celebrated throughout the school and includes an adult education ESL class in the mornings to support parents in their acquisition of English by providing babysitting for their Toddlers in a nurturing environment which promotes social skill development and early-literacy activities.

We maintain our commitment to students, parents, community members, and staff to provide the best educational experience possible. Each year we renew this commitment to maintain our focus on preparing our Finley students for the challenges of their future.

**Học Sinh Ghi Danh theo Cấp Lớp (Năm Học 2015–16)**

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Mẫu Giáo	71
Lớp 1	72
Lớp 2	48
Lớp 3	75
Lớp 4	57
Lớp 5	60
Lớp 6	
Lớp 7	
Lớp 8	
Tiểu Học Không Phân Lớp	
Lớp 9	
Lớp 10	
Lớp 11	
Lớp 12	
Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp	
Tổng Ghi Danh	383

**Học Sinh Ghi Danh theo Nhóm Học Sinh (Năm Học 2015–16)**

Nhóm Học Sinh	Phần Trăm trong Tổng Ghi Danh
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi	0.8
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.3
Người Gốc Á Châu	23.5
Người Phi Luật Tân	1.3
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	67.4
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	1.3
Người Da Trắng	5.5
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc	0
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	90.1
Người Học Tiếng Anh	61.1
Học Sinh Khuyết Tật	7
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc bởi Giám Hộ	0.3

## A. Điều Kiện Học Tập

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt

### Bảng Cấp Chứng Nhận của Giáo Viên

Giáo Viên	Trường			Khu Học Chánh
	2014-15	2015-16	2016-17	2016-17
Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	19	20	20	398
Không Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	0	0	0	1
Giảng Dạy Ngoài Lĩnh Vực Môn Học Chuyên Ngành (có đầy đủ bằng cấp chứng nhận)	0	0	0	0

### Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Chỉ Báo	2014-15	2015-16	2016-17
Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh	0	0	0
Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép	0	0	0
Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	0	0

Ghi chú: "Phân công trái phép" nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

\* Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh.

### Các Lớp Học Cốt Lõi do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy (Năm Học 2015–16)

Địa Điểm Các Lớp Học	Phần Trăm Lớp Học Về Các Môn Học Cốt Lõi Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy	Phần Trăm Lớp Học Về Các Môn Học Cốt Lõi Không Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy
	Trường Đây	100.0
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	98.9	1.1
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	98.8	1.2
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	100.0	0.0

Ghi chú: Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được định nghĩa là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 40 phần trăm hoặc cao hơn. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 39 phần trăm hoặc thấp hơn.

### Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2016–17)

Year and month in which data were collected: 11/14/2016

Westminster School District held a public hearing on October 13, 2016 and determined that each school within the district had sufficient and good quality textbooks, instructional materials, or science lab equipment pursuant to the settlement of Williams vs. The State of California. Core subject textbooks and instructional materials are provided for each student, including English Learners.

Standards-aligned texts and materials are reserved both for use in the classroom and to take home. All textbooks and instructional materials used within the school are aligned with California State Frameworks, State Board of Education, and District Standards.

Westminster School District is actively involved in the selection process of materials and textbooks. The selection process involves teachers, administrators, district support personnel, and parents. The district follows the State of California’s Textbook Adoption Cycle, which requires every school site to review textbooks in each curriculum area within a seven-year cycle; textbooks are replaced at the rate of one subject area per year. The table contains a list of the most recent textbook adoptions in core curriculum areas for the school as of October 2016.

Môn Học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/năm Phê Chuẩn	Từ Đợt Phê Chuẩn Gần Nhất?	Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Được Chỉ Định Riêng
<b>Độc/Văn Chương</b>	English/Language Arts Houghton Mifflin 2002 English/Language Arts SRA/McGraw-Hill 2002	Yes	0
<b>Toán</b>	Mathematics McGraw-Hill 2016	Yes	0
<b>Khoa Học</b>	Science Scott Foresman 2008	Yes	0
<b>Lịch Sử–Khoa Học Xã Hội</b>	History/Social Studies Houghton Mifflin 2007	Yes	0
<b>Ngoại Ngữ</b>			
<b>Giáo Dục Sức Khỏe</b>			
<b>Nghệ Thuật Hình Ảnh và Trình Diễn</b>	Visual and Performing Arts MacMillan/ McGraw Hill 2009	Yes	0
<b>Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới lớp 12)</b>			

#### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Finley Elementary School offers a safe and secure campus for students, staff, and visitors. The school was built in 1958 and provides up-to-date facilities and adequate space. Finley Elementary School is comprised of a kindergarten area, library media center, two computer labs, large multipurpose room, and 24 classrooms. The school also enjoys a spacious playground with swings, a slide and play bars, as well as grassy fields for running, sports, and games. The chart displays the results of the most recent facility inspection provided by the district in November 2016.

The school’s Comprehensive School Site Safety Plan is updated in the spring of each year to ensure the protection of students and staff. All staff members have copies of the plan and annually attend in-service days regarding school site safety policies. Students are supervised throughout the day by classified employees and teachers. There is a designated area for student drop-off and pick-up. Visitors register at the office and receive identification badges that must be displayed at all times.

The school is in compliance with all laws, rules, and regulations pertaining to hazardous materials and State earthquake standards. Earthquake preparedness drills and fire drills are held on a regular basis. In the event of an emergency, the school’s Disaster Preparedness Plan has clearly defined procedures to accommodate crisis situations and supplies are readily available.

#### Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường				
Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 9/22/2016				
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Repair Status			Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
	Tốt	Được	Tồi	
Hệ Thống: Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cổng rãnh	X			

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường				
Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 9/22/2016				
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Repair Status			Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
	Tốt	Được	Tồi	
<b>Bên Trong:</b> Các Bề Mặt Bên Trong	X			
<b>Sự Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/ Sâu Mọt	X			
<b>Điện:</b> Điện	X			
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/ Vòi Nước Máy	X			
<b>Sự An Toàn:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			Sinkhole in K-wing playground. Cracks in asphalt.

#### Đánh Giá Cơ Sở Vật Chất Tổng Quát

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 9/22/2016				
Đánh Giá Tổng Quát	Hoàn Hảo	Tốt	Được	Tồi
		X		

## B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- Thẩm định trên toàn tiểu bang (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAS] cho văn chương Anh ngữ/đọc viết [ELA] và môn toán được tổ chức ở lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. CAA đã thay thế Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California [CAPA] cho ELA và môn toán, được loại bỏ vào năm 2015. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAA. Các mục của CAA phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập

### Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang					
	Trường		Khu Học Chánh		Tiểu Bang	
	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16
<b>Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)</b>	53	48	50	55	44	48
<b>Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)</b>	49	45	47	50	34	36

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh**  
**Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)**

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Tất Cả Các Học Sinh	3	76	72	94.7	44.4
	4	58	57	98.3	43.9
	5	63	61	96.8	57.4
Nam	3	35	33	94.3	51.5
	4	29	28	96.5	32.1
	5	32	31	96.9	48.4
Nữ	3	41	39	95.1	38.5
	4	29	29	100.0	55.2
	5	31	30	96.8	66.7
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi					
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa					
Người Gốc Á Châu	3	21	18	85.7	66.7
	4	12	11	91.7	45.5
	5	19	19	100.0	68.4
Người Phi Luật Tân	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc Latinh	3	49	48	98.0	31.3
	4	43	43	100.0	41.9
	5	36	34	94.4	50.0
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
Người Da Trắng	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc					
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	3	54	52	96.3	30.8
	4	54	54	100.0	42.6
	5	56	55	98.2	54.5
Người Học Tiếng Anh	3	38	35	92.1	14.3
	4	32	31	96.9	12.9
	5	17	17	100.0	23.5
Học Sinh Khuyết Tật	3	--	--	--	--

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân</b>					
<b>Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ</b>	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

#### **Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)**

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
<b>Tất Cả Các Học Sinh</b>	3	76	73	96.0	49.3
	4	58	57	98.3	40.4
	5	63	61	96.8	44.3
<b>Nam</b>	3	35	34	97.1	55.9
	4	29	28	96.5	46.4
	5	32	31	96.9	51.6
<b>Nữ</b>	3	41	39	95.1	43.6
	4	29	29	100.0	34.5
	5	31	30	96.8	36.7
<b>Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi</b>					
<b>Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>					
<b>Người Gốc Á Châu</b>	3	21	19	90.5	68.4
	4	12	11	91.7	72.7
	5	19	19	100.0	63.2
<b>Người Phi Luật Tân</b>	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--
<b>Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh</b>	3	49	48	98.0	37.5



Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
	4	43	43	100.0	32.6
	5	36	34	94.4	29.4
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
Người Da Trắng	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chúng Tộc					
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	3	54	53	98.2	35.9
	4	54	54	100.0	40.7
	5	56	55	98.2	45.5
Người Học Tiếng Anh	3	38	36	94.7	19.4
	4	32	31	96.9	19.4
	5	17	17	100.0	17.6
Học Sinh Khuyết Tật	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân					
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ	3	--	--	--	--
	4	--	--	--	--
	5	--	--	--	--

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. "Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh**

<b>Môn học</b>	<b>Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi</b>									<b>Ph ầ n T r ầ m H ọ c S i n h Đ ạ t Đ i ể m ở M ứ c K h á h o ặ c G i ỏi</b>
	<b>Trường</b>			<b>Khu Học Chánh</b>			<b>Tiểu bang</b>			
	<b>2013-14</b>	<b>2014-15</b>	<b>2015-16</b>	<b>2013-14</b>	<b>2014-15</b>	<b>2015-16</b>	<b>2013-14</b>	<b>2014-15</b>	<b>2015-16</b>	
<b>Khoa Học (các lớp 5, 8, và 10)</b>	67	59	63	74	74	70	60	56	54	

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm Kỳ Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Test - CST), Thẩm Định Thay Đổi California (California Modified Assessment - CMA), và Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California (CAPA) ở các lớp năm, tám, và mười.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh Các Lớp Năm, Tám, và Mười (Năm Học 2015–16)**

Nhóm Học Sinh	Tổng Ghi danh	Số Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Khá hoặc Giỏi
<b>Tất Cả Các Học Sinh</b>	63	60	95.2	63.3
<b>Nam</b>	32	30	93.8	70.0
<b>Nữ</b>	31	30	96.8	56.7
<b>Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi</b>				
<b>Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>				
<b>Người Gốc Á Châu</b>	19	19	100.0	73.7
<b>Người Phi Luật Tân</b>				
<b>Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh</b>	36	33	91.7	51.5
<b>Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương</b>				
<b>Người Da Trắng</b>				
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng Tộc</b>				

Nhóm Học Sinh	Tổng Ghi danh	Số Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Khá hoặc Giỏi
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	56	54	96.4	61.1
Người Học Tiếng Anh	17	17	100.0	35.3
Học Sinh Khuyết Tật				
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân				
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ				

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CST, CMA, và CAPA ở các lớp năm, tám, và mười. “Phần Trăm Khá hoặc Giỏi” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh có điểm số ở mức Khá hoặc Giỏi trong thăm định khoa học chia cho tổng số học sinh có điểm số hợp lệ.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh..

### Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2015–16)

#### Tham Gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2015–16)

Tiêu Chuẩn Đo Lường	Tham Gia Chương Trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	
Phần Trăm Học Sinh Hoàn Tất một Chương Trình CTE và Có Bằng Tốt Nghiệp Trung Học	
Phần Trăm Khóa Học CTE Được Sắp Xếp Theo Trình Tự hoặc Chuyển Tiếp Giữa Trường Học và Các Cơ Sở Giáo Dục Sau Trung Học Cơ Sở	

#### Các Khóa Học Chuẩn Bị để Vào Trường Đại Học California (UC) và/hoặc Trường Đại Học Tiểu Bang California (CSU)

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Năm Học 2015–16 Ghi Danh vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU	0
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Năm Học 2014–15 Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU	

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất

#### Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2015–16)

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng		
	Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
5	20	20	41.7

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

## C. Tham Gia

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi địa điểm trường

#### Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2016–17)

Finley Elementary School understands the positive correlation between parent and community involvement and the success of students. Finley Staff value Parent and community member involvement. They are encouraged to join the teachers and district administrators in the many activities, programs, and organizations that support its students. Numerous programs and activities are enriched by the generous contributions made by the following sources: Student Council, School Site Council, Parent & Community Volunteers, and the Parent Teacher Association (PTA).

Finley Elementary School encourages all parents to become involved in the school. The annual Parent Power Lunch, Back to School Night, Parent conferences, Open House, and special events such as the Fall Festival, Family Literacy Night, and International Day are designed to welcome parents, celebrate our families and their rich heritages, launch school wide initiatives while soliciting input, and answering questions. The school also has an active Parent Teacher Association (PTA) and publishes a newsletter to provide parents with updates on the school's school wide initiatives, goals, accomplishments, and recent developments. Parents are encouraged to make an appointment with their child's teacher prior to scheduling an appointment with the principal.

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học

#### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2012-13	2013-14	2014-15	2012-13	2013-14	2014-15	2012-13	2013-14	2014-15
Tỷ Lệ Bỏ Học							11.40	11.50	10.70
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							80.44	80.95	82.27

#### Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học – Khóa Tốt Nghiệp năm 2015 (Tỷ Lệ Một Năm)

Nhóm Học Sinh	Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học – Khóa Tốt Nghiệp năm 2015 (Tỷ Lệ Một Năm)		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu bang
Tất Cả Các Học Sinh			
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi			
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa			
Người Gốc Á Châu			
Người Phi Luật Tân			
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh			
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương			
Người Da Trắng			
Người mang Hai hoặc Nhiều Chúng Tộc			
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn			
Người Học Tiếng Anh			
Học Sinh Khuyết Tật			

Nhóm Học Sinh			
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu bang
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ			

### Ưu Tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn

### Đình Chỉ và Đuổi Học

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
Đình Chỉ	1.4	1.9	1.0	3.3	3.0	2.6	4.4	3.8	3.7
Đuổi Học	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	0.1	0.1

### Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2016–17)

Finley Elementary School offers a safe and secure campus for students, staff, and visitors. The school was built in 1958 and provides up-to-date facilities and adequate space. Finley Elementary School is comprised of a kindergarten area, library media center, a computer lab, a large multipurpose room, and 24 classrooms. The school also enjoys a spacious playground with swings, a slide and play bars, as well as grassy fields for running, sports, and games. The chart displays the results of the most recent facility inspection provided by the district in November 2016.

The school's Comprehensive School Site Safety Plan is updated in the spring of each year to ensure the protection of students and staff. All staff members have copies of the plan and annually attend in-service days regarding school site safety policies. Students are supervised throughout the day by classified employees and teachers. There is a designated area for student drop-off and pick-up. Visitors register at the office and receive identification badges that must be displayed at all times.

The school is in compliance with all laws, rules, and regulations pertaining to hazardous materials and State earthquake standards. Earthquake preparedness drills and monthly fire drills are held on a regular basis including the annual Great American Shakeout full simulation drill. In the event of an emergency, the school's Disaster Preparedness Plan has clearly defined procedures to accommodate crisis situations and supplies are readily available.

## D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

### Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Năm Học 2016–17)

Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	In PI	In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình	2008-2009	2011-2012
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	Year 5	Year 3
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	12
Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	85.7

Ghi chú: Các ô có giá trị NA không yêu cầu dữ liệu.

**Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)**

Lớp Cấp	2013-14				2014-15				2015-16			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+
K	19	2	2		21	1	3		21	1	3	
1	22		3		24		2		24		2	
2	23		3		25		3		25		3	
3	32		1		28		2		28		2	
4	33		1	2	32		1		32		1	
5	25	1	2		26	1	3		26	1	3	
Other					7	1			7	1		

\* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

**Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Trung Học Cơ Sở)**

Môn học	2013-14				2014-15				2015-16			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Tiếng Anh												
Khoa học												
Khoa Học Xã Hội												

\* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp học trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp học). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

**Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2015–16)**

Chức Danh	Số FTE* Được Phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn Học Tập	0.2	2000
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	0	N/A
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (thủ thư)	0.0	N/A
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (bán chuyên)	0.8	N/A
Nhà Tâm Lý Học	0.2	N/A
Nhân Viên Xã Hội	0.0	N/A
Y Tá	0.2	N/A
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	0.5	N/A
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	1.0	N/A
Các Chức Danh Khác	0.0	N/A

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

\* Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian;

**Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Tài Khóa 2014–15)**

Cấp	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh			Lương Trung Bình của Giáo Viên
	Tổng	Phụ Trội/ Giới Hạn	Cơ Bản/ Không Giới Hạn	
Địa Điểm Trường	\$1,394	\$1,302	\$92	\$74,290
Khu Học Chánh	N/A	N/A	\$4,038	\$78,324
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Khu Học Chánh	N/A	N/A	-97.7%	5.3%
Tiểu bang	N/A	N/A	\$5,677	\$75,137
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Tiểu Bang	N/A	N/A	-98.3%	5.8%

Note: Cells with N/A values do not require data.

**Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Tài Khóa 2015–16)**

- Federal, ECIA/ESEA/IASA
- Federal, Special Education, Entitlement per UDC
- Federal, Special Education, Discretionary Grants
- Federal, Drug/Alcohol/Tobacco Funds
- Federal, Interagency Contracts
- Special Education Master Plan - Current Year
- Local Control Funding Formula
  
- Special Education Transportation
- Educational Technology Assistance Grants
- McKinney-Vento Grant

**Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Tài Khóa 2014–15)**

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Khu Học Chánh Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$40,321	\$44,573
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$77,821	\$72,868
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$95,899	\$92,972
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$114,702	\$116,229
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$114,146	\$119,596
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)		\$121,883
Mức Lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$208,884	\$201,784
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	44%	39%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5%	5%

Để có thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Web về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

**Các Khóa Học Nâng Cao (AP) (Năm Học 2015–16)**

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp*	Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP
Khoa Học Máy Tính		N/A

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp*	Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP
Tiếng Anh		N/A
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn		N/A
Ngoại Ngữ		N/A
Khoa học		N/A
Khoa Học Xã Hội		N/A
Tất Cả Các Khóa Học		

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

\* Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

### Phát Triển Chuyên Môn

Staff members build teaching skills and concepts by participating in conferences and workshops throughout the year. The district offers two staff development days annually where teachers are offered a broad based variety of professional growth opportunities in curriculum, teaching strategies, and methodologies. The areas of focus include 21st century teaching and learning, differentiating instruction, and training to support English Learner (EL) students. Teachers were also trained in cultural proficiency.